

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***2. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như phân bổ cho các bộ phận theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được trình bày dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác Việt Nam (“Nước ngoài”). Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí của tài sản và cơ sở sản xuất chủ yếu là ở Việt Nam.

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày		Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày		Giai đoạn ba tháng kết thúc ngày	
	31/3/2025	31/3/2024	31/3/2025	31/3/2024	31/3/2025	31/3/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	10.010.058.346.078	11.496.648.763.683	2.924.446.986.778	2.615.762.553.375	12.934.505.332.856	14.112.411.317.058
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(6.056.023.462.432)	(6.648.467.661.865)	(1.667.999.430.545)	(1.552.422.210.628)	(7.724.022.892.977)	(8.200.889.872.493)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	3.954.034.883.646	4.848.181.101.818	1.256.447.556.233	1.063.340.342.747	5.210.482.439.879	5.911.521.444.565